

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HS-ST

Ngày: 23-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

2. Ông Bon Yo Soan

3. Ông Chu Văn Khuông

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2018/TLST-HS ngày 31-8-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXXST-HS ngày 09-10-2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng A (tên gọi khác Cu Lỗ), sinh ngày 24-8-1994 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú số 26B Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Luyện (đã chết) và bà Phạm Thị Hằng, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26-11-2011 bị Công an phường 8, thành phố Đà Lạt ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng; ngày 10-6-2015 bị Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Đà Lạt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường theo quyết định số 79/QĐ-UB về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giam ngày 08-12-2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bào chữa: Luật sư Lê Cao Tánh thuộc Văn phòng Luật sư Bá Tánh - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Võ Hữu Nhật T (tên gọi khác Bin), sinh ngày 15-5-1994 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: số 26/61 Đào Duy Từ, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: số 56C Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hữu Hùng và bà Nguyễn Thu Lan; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08-12-2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người bào chữa*: Luật sư Nguyễn Thị Hạnh thuộc Văn phòng Luật sư Thành Phát - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Nguyễn Hữu T (*tên gọi khác Duy*), sinh ngày 10-6-1996 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: số 209A/40 Mai Anh Đào, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh, giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Tâm, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thanh Ánh, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: không; tiền án: Bản án số 24/2015/HSST ngày 23-01-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bản án số 126/2015/HSST ngày 26-6-2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 02 bản án buộc phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù, đã chấp xong hình phạt tù ngày 14-10-2016.

Bị cáo bị bắt giam ngày 05-02-2018 đến ngày 04-5-2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. Võ Trung S (*tên gọi khác Gôn*), sinh ngày 28-5-1995 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: số 224 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: số 25C Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thiện Nhân, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị Thọ, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt giam ngày 22-11-2017 đến ngày 19-4-2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

5. Trần T (*tên gọi khác Toàn Đen*), sinh ngày 17-5-1991 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: số 42B Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Thiện, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Mùi, sinh năm 1966; vợ Trần Thị Thùy Trang, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 152/2009/HSST ngày 18-11-2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”; ngày 08-4-2008 bị Công an thành phố Đà Lạt phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ về hành vi “*gây rối trật tự công cộng*”.

Bị bắt tạm giam ngày 23-01-2018 đến ngày 19-4-2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1962; nơi cư trú: lô A23 Đông Tĩnh, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
2. Bà Bạch Ngọc Quỳnh N, sinh năm 1986; nơi cư trú: lô B8 Lý Nam Đế, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
3. Ông Hồ Tiến T, sinh năm 1958; nơi cư trú: lô C36 khu quy hoạch Nguyên Tử Lực, đường Trần Anh Tông, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phạm Thị Hằng, sinh năm 1971; nơi cư trú: 26B Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
2. Ông Đinh Thành Châu, sinh năm 1985; nơi cư trú: 61/22 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
3. Ông Vũ Lê Minh Tuấn, sinh năm 1996; nơi cư trú: 29A Cao Thắng, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;
4. Bà Thái Thị Thanh Duyên, sinh năm 1995; nơi cư trú: 50 Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
5. Ông Võ Thanh Sang, sinh năm 1973; nơi cư trú: 233 Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;
6. Ông Trần Ngọc Đàm, sinh năm 1986; nơi cư trú: 75B Phước Thành, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
7. Ông Hà Việt Dũng, sinh năm 1982; nơi cư trú: 6B Huỳnh Thúc Kháng, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;
8. Bà Đỗ Thị Tuyết Lan, sinh năm 1959; nơi cư trú: 178 Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
9. Ông Đặng Hữu Quang, sinh năm 1973; nơi cư trú: 23 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;
10. Ông Võ Thiện Nhân, sinh năm 1972; nơi cư trú: 25C Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
11. Bà Nguyễn Thu Lan, sinh năm 1970; nơi cư trú: 02 Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2017 đến ngày 18-11-2017, bị cáo Anh cùng các bị cáo Tài, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tân đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 06 lần, đối với 03 nhà dân trên địa bàn phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào đêm ngày 21-10-2017, bị cáo Anh đi bộ đến nhà chị Bạch Ngọc Quỳnh N (lô B8 Lý Nam Đế) thấy trong nhà không có người, Anh vào trong nhà qua lỗ thông gió trộm cắp được 700.000đ tiền mặt; 500.000đ tiền

bỏ trong heo đất; 02 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, sau đó sử dụng thẻ rút được số tiền 7.500.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ; 01 Laptop hiệu Dell (màu bạc 11,6 inches); 01 đàn Organ (hiệu Yamaha, màu đen); 01 máy sấy tóc hiệu philip; 01 máy ép tóc; 01 cân sức khỏe; 02 bình sữa hiệu Vinamilk; 01 đồng hồ đeo tay nữ hiệu Piaget màu trắng; 01 đèn để bàn màu xanh trắng.

Sau khi trộm được tài sản trên, bị cáo Anh đã bán cho một số người không xác định được tên, địa chỉ trên địa bàn thành phố Đà Lạt lấy tiền tiêu xài cá nhân, riêng chiếc đồng hồ đeo tay bị cáo Anh tặng cho bạn gái chị Duyên. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc đồng hồ Piaget; 01 chiếc đèn để bàn (*bút lục 239*).

Vụ thứ hai: bị cáo Anh rủ bị cáo Tài, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tân cùng thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản của ông Thành tại Lô C36 khu quy hoạch Nguyễn Tử Lực, cụ thể từng lần như sau:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 11-2017, bị cáo Anh chở bị cáo Sơn bằng xe mô tô hiệu wave của bị cáo Anh (*hiện Hoàng Anh đã bán xe này cho người không biết nên không nhớ được biển số*) đến khu vực đồi 52, tại đây thấy nhà ông Thành khóa cửa không có người trông coi, các bị cáo về nhà bị cáo Sơn lấy đục và búa định đến đục phá ổ khóa và cạy cửa đi vào trong nhà. Khi vào được bên trong, bị cáo Anh dùng đèn pin rọi sáng thấy có nhiều tài sản công kênh nên bàn với bị cáo Sơn về nhà lấy ô tô qua chở tài sản thì bị cáo Sơn đồng ý. Bị cáo Sơn, bị cáo Anh về nhà bị cáo Sơn lấy chiếc xe ô tô tải màu xanh, hiệu Vinazuki biển số 49X-7430 của ông Sang (*là chú ruột của Sơn cho bị cáo Sơn mượn để chở hàng thuê*), khi về tới nhà của bị cáo Sơn, bị cáo Anh gặp bị cáo Toàn nên đã rủ và bị cáo Toàn đồng ý cùng đi trộm cắp tài sản. Sau đó, các bị cáo sử dụng xe ô tô quay lại nhà ông Thành trộm 01 tivi Panasonic 42 inches, màu đen; 01 chiếc âm ly hiệu Janguae; 01 đầu đĩa, hiệu California, màu vàng đồng; 01 đầu lọc, màu bạc, hiệu Shwa; 02 chiếc loa cây; 01 chiếc loa Sub, màu đen, hiệu Yamaha; 01 bức tượng gỗ hình ông Di Lặc; 01 bức tượng gỗ hình cô gái, rồi bỏ toàn bộ lên xe ô tô chở về nhà bị cáo Sơn. Sau đó, bị cáo Anh, bị cáo Sơn chở 02 bức tượng gỗ đến quán Karaoke Lâm Tứ Hải tại số 17/5 đường Kim Đồng, phường 6, thành phố Đà Lạt bán cho ông Châu được số tiền 2.000.000đ. Đến sáng hôm sau, bị cáo Anh, bị cáo Sơn mang tivi, âm ly, đầu lọc, loa cây, loa sub bán cho ông Đàm, trú tại 75B Phước Thành, phường 7, thành phố Đà Lạt được số tiền là 4.500.000đ. Sau đó bị cáo Sơn, bị cáo Toàn cùng nhau mua ma túy đá sử dụng chung hết 500.000đ, chia cho Toàn 300.000đ, trả tiền xăng xe cho bị cáo Sơn 1.000.000đ, còn lại 4.700.000đ, bị cáo Anh, bị cáo Sơn chia đôi số tiền này. Quá trình điều tra, ông Châu đã tự nguyện giao nộp 02 bức tượng gỗ cho Cơ quan điều tra; ông Đàm giao nộp đầu lọc, đầu đĩa và loa sub; ti vi, âm ly, loa đã bán cho một người dân tộc (*không biết họ tên, địa chỉ*), (*các bút lục 237 đến 240; 282; 314; 322 đến 323*).

Lần 2: vào buổi tối cùng ngày sau khi bán số tài sản trộm cắp lần 01, bị cáo Anh tiếp tục rủ bị cáo Sơn, bị cáo Tân tiếp tục sử dụng xe ô tô tải 49X-7430 đến nhà ông Thành, bị cáo Anh dùng đèn trong điện thoại soi đi lên lầu lấy 01

bộ dụng cụ đánh golf, 01 máy giặt hiệu Panasonic, còn bị cáo Tân lấy 01 giấy đăng ký xe máy Dream biển số 59H1- 069.88 trên bàn thờ đưa cho bị cáo Anh, bị cáo Anh xuống bếp lấy chiết xe Dream biển số 59H1-069.88 ra ngoài. Sau đó các bị cáo không lấy máy giặt chỉ lấy bộ dụng cụ đánh golf lên xe ô tô, bị cáo Sơn điều khiển xe ô tô chở về nhà bị cáo Sơn cất giữ, còn bị cáo Anh một mình chạy xe Dream về nhà bị cáo Sơn. Khi về đến nhà, bị cáo Sơn, bị cáo Tân mang xe Dream đến tiệm cầm đồ Thành Đạt cầm cho ông Quang, trú tại số 23 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, thành phố Đà Lạt lấy số tiền 5.000.000đ, còn bộ dụng cụ đánh golf bị cáo Anh đăng lên trang Raovatdalat bán được số tiền 3.000.000đ cho ông Dũng, trú tại số 6B đường Huỳnh Thúc Kháng, phường 4, thành phố Đà Lạt.

Quá trình điều tra, ông Dũng đã nộp lại bộ dụng cụ đánh golf cho Cơ quan điều tra. Đối với chiếc xe Dream, bà Lan, trú tại số 178 Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Đà Lạt đã mua lại từ ông Quang với số tiền 5.300.000đ và trả thêm cho bị cáo Sơn số tiền 1.000.000đ để mua lại chiếc xe Dream. Khi biết được tài sản mà mình mua là tài sản do người khác trộm cắp mà có, bà Lan đã cùng với ông Quang đến Cơ quan Công an điều tra giao nộp tài sản đã mua.

Tổng cộng số tài sản trộm cắp bán được là 8.000.000đ, bị cáo Sơn, bị cáo Tân mua ma túy đá hết 500.000đ để sử dụng chung, còn lại 7.500.000đ chia ba. Riêng bị cáo Sơn còn được bà Lan đưa thêm 1.000.000đ, ông Quang 300.000đ

Lần 3: buổi tối cùng ngày sau khi bán tài sản trộm cắp tại lần 02, bị cáo Anh tiếp tục rủ bị cáo Sơn, bị cáo Tài đến nhà ông Thành để trộm cắp tài sản, nhưng Sơn nói bận việc không đi mà nói bị cáo Anh, bị cáo Tài cứ đi trộm cắp, còn Sơn sẽ mang tài sản đi cầm cố. Do vậy bị cáo Anh, bị cáo Tài tiếp tục đến nhà ông Thành lấy trộm 01 xe máy Sirius biển số 49P1- 0749, còn Tài đứng ngoài đề cảnh giới. Sau đó đem xe cho bị cáo Sơn cầm cố cho ông Tuấn ở quán Karaoke Lâm Tứ Hải ở số 17/5 đường Kim Đồng được 2.300.000đ, bị cáo Sơn, bị cáo Tài mua ma túy đá sử dụng chung hết 600.000đ, số tiền còn lại chia đều cho cả ba (*các bút lục 318-319; 328 đến 331*).

Lần 4: Sau khi trộm cắp tài sản lần 03, bị cáo Anh, bị cáo Tài, bị cáo Sơn tiếp tục sử dụng xe ô tô tải 49X-7430 đến nhà ông Thành trộm cắp tài sản, cả 03 cùng nhau vào khiêng 01 tủ lạnh Panasonic, 01 máy giặt ra xe ô tô, còn bị cáo Anh vào bếp lấy xe Honda 67 rồi cùng về nhà Sơn. Sau đó bị cáo Sơn mang tủ lạnh về nhà và nói với bố là ông Võ Thiện Nhân đây là tài sản của bạn cần bán, nói ông Nhân cho bị cáo Sơn mượn 2.500.000đ để trả tiền mua tủ lạnh, còn chiếc xe Honda 67 bị cáo Sơn cất giấu trong vườn nhà mình khi bị cáo Sơn bị bắt thì chiếc xe này đã bị mất không thu hồi được, còn bị cáo Anh lấy máy giặt mang về nhà cho mẹ là bà Phạm Thị Hằng sử dụng và nói với bà Hằng là máy giặt mình tự mua. Khi biết được tài sản mà mình sử dụng là tài sản do người khác trộm cắp mà có, bà Hằng và ông Nhân đã giao nộp tài sản trên cho đến Cơ quan Công an điều tra (*các bút lục 318 -319; 328-331*).

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 18-11-2017, bị cáo Anh đi bộ một mình ngang qua nhà bà Trần Thị A tại địa chỉ số A23 Đông Tĩnh, thì thấy nhà tắt điện, bị cáo Anh đi vòng ra sau nhà, leo qua tường ở góc trái vào trong

khuôn viên nhà kiểm tra các cửa quanh nhà thì phát hiện thấy cửa sổ sau nhà không khóa nên mở cửa vào bên trong nhà. Khi vào trong nhà, bị cáo Anh lục tìm tài sản ở từng phòng, khi lên phòng ngủ ở tầng 2, bị cáo Anh phát hiện có 01 két sắt, khiêng xuống phòng khách tại tầng trệt rồi quay lên lại phòng ngủ lấy trộm 01 đôi giày màu nâu đỏ hiệu Pedro; 80USD trong 01 bóp da nữ, 01 thắt lưng nam hiệu Giovani, khi thấy ở trong xe ô tô đang đậu trong sân nhà bà Anh có 01 áo khoác da của nam giới, bị cáo Anh mở cửa và lấy trộm rồi đem tất cả tài sản trộm cắp được về nhà cất giấu. Bị cáo Anh đến nhà Sơn, tại đây bị cáo Anh gặp ông Nhân (bố bị cáo Sơn) hỏi mượn đục và búa, ông Nhân cho bị cáo Anh mượn nhưng không hỏi là mượn để làm gì. Sau khi ra khỏi nhà, bị cáo Anh gặp bị cáo Tài và nói cho bị cáo Tài biết ở nhà bà Anh hiện đang để két sắt có tài sản, chủ nhà đi vắng, bị cáo Tài đồng ý và cả hai quay lại nhà bà Anh. Tại đây bị cáo Tài dùng hộp quẹt và giữ két sắt, bị cáo Anh dùng búa đục tung két sắt ra, Tài lấy toàn bộ tài sản trong két bỏ vào túi nilon, bị cáo Anh lấy tiền mặt rồi cả hai cùng nhau mang về phòng trọ của Thái Thị Thanh Duyên (*bạn gái của Trần Hoàng A*) ở đường Vạn Kiếp, phường 8, thành phố Đà Lạt kiểm đếm số tài sản đã lấy được tại nhà bà Anh, quá trình kiểm đếm, bị cáo Anh yêu cầu bạn gái ra khỏi phòng trọ, số tài sản bị cáo Anh, bị cáo Tài đã lấy trộm được trong nhà bà Anh gồm:

- 120.000.000đ; 1.500 USD; 05 Euro;

- 8,5 lượng vàng SJC ròng vàng 9999, (*trong đó có 8 miếng vàng loại 10 chỉ/miếng, 01 miếng vàng loại 05 chỉ/miếng*); 01 miếng vàng SJC Ròng vàng 9999 loại 01chỉ/ miếng; 13 nhẫn vàng trơn loại vàng 24K, trọng lượng 01chỉ/nhẫn; 02 nhẫn lông đuôi voi bọc vàng, trong đó: 01 nhẫn loại vàng 16K, trọng lượng 03 phân 2,5 và 01 nhẫn loại vàng 10k trọng lượng 01 phân 5,4; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,7 chỉ, có đính một hình hoa hồng bằng vàng; 01 bộ trang sức vàng Ý màu trắng vàng 18K, bao gồm: 01 lắc tay trọng lượng 02 chỉ; 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ 90; 01 đôi bông tai kim cương có nữ trang vàng trắng; 03 sợi dây chuyền vàng màu vàng, trong đó: 02 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 07,5 chỉ/dây và 01 sợi dây chuyền vàng 16K trọng lượng 02 chỉ 15 phân; 01 lắc vàng 9999 loại 24k trọng lượng 05 chỉ; 05 đôi bông tai vàng 18K, tổng trọng lượng 1,6 chỉ; 04 lắc vàng 18K, trọng lượng 4,48 chỉ/chiếc, tổng trọng lượng 17,92 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng trắng 18K, có móc và 01 mặt dạng bông hoa 4 cánh, trọng lượng 03 chỉ 15 phân; 02 dây chuyền ngọc trai;

- 03 đồng hồ đeo tay (*01 đồng hồ nữ hiệu Lechateau, 01 đồng hồ đeo tay dây da màu nâu; 01 đồng hồ hiệu Rado bằng kim loại màu vàng*); 1 đôi bông tai giả;

Sau khi kiểm tra xong, bị cáo Anh chia cho bị cáo Tài 35.000.000; 200 USD; 03 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ/chiếc; 01 sợi dây chuyền vàng 18K (loại trọng lượng 7,5 chỉ); 01 sợi dây chuyền vàng trắng có mặt hình bông hoa màu trắng 4 cánh; 01 đôi bông tai bằng vàng, có hột đá màu của hột ngọc trai; 01 chiếc lắc vàng có hoa văn hình tròn; 01 lắc vàng trắng có các hột đá nhỏ bao

quanh; 02 lượng vàng SJC 9999 hình chữ nhật; 01 thẻ vàng SJC 9999 trọng lượng 01chỉ/chiếc; 01 đồng hồ Rado nữ màu vàng đen đã qua sử dụng.

Số tài sản còn lại, bị cáo Anh cho bị cáo Sơn 5.000.000đ; trả nợ ông Võ Thiện Nhân 6.000.000đ và 80USD; nhờ chị Thái Thị Thanh Duyên mua giúp một điện thoại di động và 01 sim điện thoại hết 7.000.000đ, cho Duyên 3.000.000đ; cho bị cáo Toàn số tiền 5.000.000 đồng; bà Phạm Thị Hằng (*mẹ bị cáo Anh*) 1.000.000đ; trả nợ cho ông Trần Anh Tuấn 1.000.000đ, 100USD và 02 chiếc nhẫn vàng 24k (01chỉ/01chiếc), số tiền còn lại bị cáo Anh tiêu xài cá nhân (*các bút lục 176; 178; 185; 319; 471*).

Quá trình điều tra, chỉ có bị cáo Sơn thừa nhận biết rõ tiền do bị cáo Anh trộm cắp mà có, còn những người khác đều khai nhận không biết được tài sản mà Anh đã trả nợ và cho mình là do trộm cắp mà có (*bút lục 470 -471*).

Ngoài những lần trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo Anh còn khai nhận trước đó có trộm cắp tài sản tại 01 nhà trọ trên địa bàn phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nhưng bị can không nhớ được địa điểm đã trộm cắp trên nên không có cơ sở để xử lý đối với bị can về lần trộm cắp này.

Số tài sản mà các bị can đã trộm cắp của các bị hại trên, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận như sau:

1. Tài sản của chị Bạch Ngọc Quỳnh N được xác định tại Biên bản định giá tài sản và trả lời tại Văn bản số 373,1333/TCKH ngày 17/01/2018 và ngày 01/02/2018, ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định gồm:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ trị giá 7.050.000đ; 01 Laptop hiệu Dell, màu bạc, 11,6 inches 10.200.000đ; 01 đàn Organ, hiệu Yamaha, màu đen trị giá 1.125.000đ; 01 máy sấy tóc hiệu Philip trị giá 225.000đ; 01 máy ép tóc, trị giá 180.000đ; 01 cân sức khỏe, không đủ cơ sở xác định giá; 02 bịch sữa Vinamilk trị giá 14.000đ; 01 đồng hồ đeo tay nữ hiệu Piaget, màu trắng bạc trị giá 150.000đ; 01 đèn để bàn màu xanh trắng trị giá 70.000đ. Tổng cộng tài sản bị cáo Anh đã trộm cắp của chị Bạch Ngọc Quỳnh N là 27.714.000đ;

2. Tài sản của ông Hồ Tiến T được xác định tại biên bản định giá tài sản ngày 21/11/2017 và ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định gồm:

2.1. Tài sản do các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn trộm: 01 tivi Panasonic 42 inches, hết khấu hao trị giá bằng 0đ; 01 chiếc âm ly hiệu Janguae, trị giá 908.460đ; 01 đầu đĩa, hiệu California trị giá 500.000đ; 01 đầu lọc, màu bạc, hiệu Shwa trị giá 20.000đ; 02 chiếc loa cây trị giá 865.000đ; 01 chiếc loa Sub, màu đen, hiệu Yamaha trị giá 400.000đ; 01 bức tượng gỗ hình ông Di Lặc trị giá 5.000.000đ; 01 bức tượng gỗ hình cô gái trị giá 3.000.000đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 10.693.660đ (*bút lục 24 -25*);

2.2. Tài sản do các bị cáo Anh, bị cáo Sơn bị cáo Tân trộm: 01 bao đựng dụng cụ đánh Golf và 14 gậy đánh Golf các loại trị giá 5.300.000đ; 01 xe máy

Dream, màu nâu, biển số 59H1-069.88 trị giá 10.140.000đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp 15.440.000đ (bút lục 24 -25);

2.3. Tài sản do bị cáo Anh, bị cáo Tài trộm: xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius là 7.400.000đ; bị cáo Sơn tiêu thụ (bút lục 19);

2.4. Tài sản do bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Tài trộm: 01 máy giặt hiệu Panasonic loại 07kg trị giá 2.365.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 3.591.000đ; xe Honda 67, màu đen đã hết khấu hao sử dụng giá trị bằng 0đ đồng). Tổng giá tài sản trộm cắp 5.956.000đ (bút lục 19);

3. Tài sản của bà Trần Thị A được xác định tại Biên bản định giá tài sản tại Công văn số 373 ngày 01/2/2018; biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 08/2/2018; số 1332/TCKH ngày 02/7/2018 của Hội đồng ĐG-TSTTT hình sự thành phố Đà Lạt và tại Thông báo số 331 ngày 28/5/2018 của Hội đồng ĐG-TSTTT hình sự tỉnh Lâm Đồng, gồm:

- 1.580 USD tương đương 35.826.500đ; 8,5 lượng vàng SJC ròng vàng 9999 trị giá 301.530.000đ; 01 miếng vàng SJC ròng vàng trọng lượng 01chỉ/01miếng 9999 trị giá 3.522.000đ; 05 Euro tương đương 133.000đ; 13 nhẫn vàng trơn loại vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ/nhẫn trị giá 45.318.000đ; 02 nhẫn lông đuôi voi, trong đó: 01 nhẫn vàng loại 16K, trọng lượng 3 phân 2,5 trị giá 8.037.000đ; 01 nhẫn vàng 10k trọng lượng 01 phân 5,4 trị giá 762.480đ; 01 nhẫn vàng 18K có hình hoa hồng màu vàng đính trên, trọng lượng 0,7 chỉ có đính một hình hoa hồng bằng vàng trị giá 1.799.000đ; 01 bộ trang sức vàng Ý màu trắng loại vàng 18K, bao gồm: 01 lắc tay trọng lượng 02 chỉ trị giá 5.139.000đ; 01 dây chuyền trọng lượng 05 chỉ 90 trị giá 15.083.350đ; 01 đôi bông tai có đính kim cương trị giá 67.059.000đ; 03 sợi dây chuyền vàng, trong đó: 02 sợi dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 7,5 chỉ/dây trị giá 38.540.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng loại 16K trọng lượng 02 chỉ 15 phân trị giá 5.316.950đ; 01 lắc vàng 9999 loại vàng 24k trọng lượng 05 chỉ trị giá 17.432.000đ; 05 đôi bông tai loại vàng 18K, tổng trọng lượng 04 chỉ trị giá 10.277.000đ; 04 lắc tay loại vàng 18K, trọng lượng 04,48 chỉ/chiếc, tổng trọng lượng 17,92 chỉ trị giá 46.042.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng trắng 18K, có 01 móc kim loại vàng trắng và 01 mặt bằng kim loại dạng bông hoa 4 cánh, trọng lượng 03 chỉ 15 phân trị giá 8.052.975đ; 01 đồng hồ hiệu Silver màu vàng trị giá 300.000đ; 01 đồng hồ hiệu Rado kim loại màu vàng trị giá 200.000đ;

- 02 dây chuyền ngọc trai; 01 đồng hồ đeo tay nữ hiệu Lechateau; 01 đôi giày bằng da màu nâu hiệu Pedro; 01 thắt lưng da màu nâu hiệu Giovani và 01 áo da không đủ cơ sở để đưa ra báo giá; đối với 01 đôi bông tai giả, theo bị hại Trần Thị A thì không có giá trị;

Tổng giá trị tài sản bị cáo Anh trộm cắp nhà bà Trần Thị A là: 730.370.255đ; bị cáo Tài 728.556.255đ.

Về bồi thường: Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

1. Bà Bạch Ngọc Quỳnh N: Bà Nhi đã nhận lại tài sản gồm 01 chiếc đồng hồ Piaget và 01 chiếc đèn để bàn, đến nay bà không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Trần Hoàng A (*bút lục 41*).

2. Ông Hồ Tiến T: Đã nhận lại số tài sản thu hồi được và được ông Trần Văn Thiện là bố của Trần T đã bồi thường cho ông Thành số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho số tài sản không thu hồi được. Đến nay ông Thành không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị can (*bút lục 39; 163*).

3. Bà Trần Thị A: Tài sản thu giữ trên người bị cáo Anh, bị cáo Tài gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ 15, có hạt màu tròn kết với nhau có gắn móc kim loại màu trắng; 01 dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ 15 có gắn móc kim loại màu trắng và mặt dây kim loại màu trắng dạng bộ hoa bốn cánh; 02 chiếc bông tai có hạt màu trắng, chuỗi bằng kim loại màu trắng có trọng lượng 01 phân 6; 01 sợi dây chuyền vàng 16k, trọng lượng 02 chỉ 15 có gắn móc bằng vàng; 01 nhẫn vàng 16k, có sợi màu đen bên trong, đường kính khoảng 02cm, trọng lượng 03 phân 25; 01 nhẫn vàng 10k có sợi màu đen bên trong, đường kính khoảng 1,5cm trọng lượng 01 phân 5,4 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có sợi nhựa màu đen luồn qua; 02 miếng vàng “SJC RỒNG VÀNG 9999” trọng lượng 02 lượng được bọc nhựa bên ngoài; 01 đồng hồ bằng kim loại, màu vàng, mặt tròn hiệu Silver Star; 01 đồng hồ hiệu Rado; 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng, có đính đá và số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng); 02 nhẫn vàng hàm lượng 99% (trọng lượng 01 chỉ/chiếc); 100USD (một trăm đô la Mỹ). Toàn bộ tài sản này trị giá 193.359.505đ (làm tròn số 193.360.000đ), Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Trần Thị A.

Đối với số tài sản không thu hồi được. Đến nay gia đình bị cáo Tài đã bồi thường cho bà Trần Thị A số tiền 50.000.000đ, số tài còn lại chưa được bồi thường; bà Anh yêu cầu các bị can tiếp tục bồi thường cho bà, đối với một số vật dụng, tài sản khác bị hư hỏng, bà Trần Thị A không yêu cầu các bị can phải bồi thường (*bút lục 40; 479*).

Đối với 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng - đen, có hình rồng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7; Chiếc Honda Airblade biển số: 79N1 – 66.880 và 01 điện thoại di động Sam sung hiệu J3 Pro đây là tài sản bị cáo Anh, bị cáo Tài mua từ tiền trộm cắp tài sản của bà Trần Thị A cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Những người đã mua tài sản của trộm cắp của các bị cáo có yêu cầu như sau: Ông Hà Việt Dũng yêu cầu trả lại số tiền 3.000.000đ; ông Đình Thành Châu yêu cầu trả lại 2.000.000đ.

Các ông Trần Ngọc Đàm, bà Trần Thị Tuyết Lan, Phạm Thị Hằng, Vũ Lê Minh Tuấn và ông Võ Thiện Nhân không có yêu cầu bồi thường đối với các bị can.

Vật chứng ngoài đồ vật, tài liệu nêu trên, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ:

+ Thu giữ của bị cáo Sơn: 01 bóp da màu xanh đen; 01 CMND; 01 bằng lái xe; 01 thẻ ATM Ngân hàng SHB Bank, 01 thẻ ngân hàng Đông Á đứng tên Võ

Trung S. Do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Sơn (*bút lục 481*).

- 01 miếng kim loại hình tròn; 01 sợi dây chuyền màu bạc khoảng 45cm do Thái Thị Thanh Duyên tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra Duyên khai báo được bị cáo Anh cho, không liên quan đến vụ án; 01 Giấy bảo đảm của công ty Danh Hiển và 02 Giấy kiểm định chất lượng đối với đôi bông tai kim cương bị mất do bà Nguyễn Trần Phương Ly con của bị hại Trần Thị A tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác giám định. Toàn bộ những tài sản này do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can, do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho các đương sự, nên không đề cập đến.

Đối với số tiền 1.100.000đ thu giữ của bị cáo Sơn; bà Phạm Thị Hằng đã nộp lại số tiền 1.000.000đ, đây là số tiền mà bị cáo Anh cho bị cáo Sơn và bà Hằng từ tài sản trộm cắp của bà Trần Thị A; Nguyễn Hữu T nộp lại số tiền 2.000.000đ; 02 ổ khóa thu giữ tại nhà ông Hồ Tiến T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô của bị cáo Anh đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, do bị can đã bán chiếc xe này cho người không biết tên, địa chỉ cùng một số công cụ mà các bị can đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, do đến nay không thu hồi được nên không đề cập đến.

Đối với 01 xe ô tô Vinaxuki biển số 49X-7430 của ông Võ Thanh Sang, xét thấy ông Sang không biết việc các bị can đã sử dụng tài sản của mình vào việc trộm cắp tài sản nên đã trả lại cho ông Sang, do vậy không đề cập đến.

Đối với hành vi của Trần T, Võ Thiện Nhân, Thái Thị Thanh Duyên, Phạm Thị Hằng, Hà Việt Dũng, Trần Ngọc Đàm, Hồ Thanh Sang, Đỗ Thị Tuyết Lan, Đinh Thành Châu, Đặng Hữu Quang, Vũ Lê Minh Tuấn, Trần Anh Tuấn và ông Trần Trí. Do những đương sự này không biết tài sản mà các bị can bán và cho mình là do phạm tội mà có, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-P2 ngày 29-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Trần Hoàng A, Võ Hữu Nhật T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo Nguyễn Hữu T về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Bị cáo Võ Trung S về tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều, 138 và khoản 1, Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo Trần T về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1, Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng A, Võ Hữu Nhật T, Nguyễn Hữu T, Trần T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; tuyên bố bị cáo Võ Trung S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Hoàng A từ 13 năm đến 14 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Võ Hữu Nhật T từ 12 năm đến 13 năm tù;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 03 năm đến 04 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần T từ 18 tháng đến 24 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Võ Trung S từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Sơn.

Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo Anh và Tài liên đới bồi thường cho bà Trần Thị A số tiền còn lại sau khi trừ đi trị giá tài sản bà đã nhận lại được từ Cơ quan điều tra.

Buộc các bị cáo hoàn trả cho ông Đinh Thành Châu số tiền 2.000.000đ do mua 02 tượng gỗ; buộc các bị cáo hoàn trả cho ông Hà Việt Dũng số tiền 3.000.000đ do mua dụng cụ đánh golf.

Về vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo Hoàng Anh, bị cáo Tài, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tân khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như bản cáo trạng quy kết; không bị cáo nào thắc mắc khiếu nại bản Cáo trạng và cùng đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Luật sư Tánh bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh thống nhất tội danh cáo trạng truy tố, đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự vì bị cáo đã bị truy tố theo khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên với mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, đề nghị Tòa án xem xét áp dụng hình phạt thấp nhất.

Luật sư Hạnh bào chữa cho bị cáo Tài thống nhất tội danh cáo trạng truy tố, bị cáo được áp dụng 2 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị áp dụng Điều 54, cần áp dụng các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt mức thấp nhất khung hình phạt.

Bị hại bà Nhi, ông Thành đã nhận một số tài sản, còn các tài sản khác không thu hồi được nhưng cùng không yêu cầu các bị cáo bồi thường; đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại bà Anh xác nhận đã nhận số tài sản các bị cáo Hoàng Anh, bị cáo Tài trộm cắp trị giá 193.395.505đ (*làm tròn số 193.396.000đ*); bố mẹ bị cáo Tài đã bồi thường số tiền 167.000.000đ. Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 730.370.255đ (*làm tròn số 730.370.000đ*); còn lại số tiền 369.974.000đ

(730.370.000đ – (193.396.000đ + 167.000.000) yêu cầu các bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, nếu bị cáo Tài phải liên đới bồi thường thì không yêu cầu bị cáo Tài bồi thường, yêu cầu bị cáo Hoàng Anh bồi thường số tiền $\frac{1}{2}$ của số tiền 369.974.000đ. Ngoài ra, bà Anh đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Tài.

Người liên quan ông Vũ Lê Minh Tuấn, ông Võ Thanh Sang, ông Hà Việt Dũng, ông Đặng Hữu Quang vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2017 đến ngày 18-11-2017, bị cáo Anh cùng các bị cáo Tài, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tân đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó:

- Bị cáo Anh thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại bà Nhi trị giá 27.714.000đ; bị cáo Anh cùng các bị cáo Sơn, bị cáo Toàn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại ông Thành trị giá 10.694.000đ; bị cáo Anh cùng các bị cáo Sơn, bị cáo Tân thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại ông Thành trị giá 15.440.000đ; bị cáo Anh cùng các bị cáo Sơn, bị cáo Tài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại ông Thành 02 lần trị giá 13.356.000đ; bị cáo Anh cùng bị cáo Tài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại bà Anh trị giá 730.370.000đ. Như vậy, bị cáo Anh thực hiện hành vi trộm 06 lần, giá trị tài sản trộm 797.574.000đ; bị cáo Sơn thực hiện hành vi trộm 03 lần, giá trị tài sản trộm 39.490.000đ; bị cáo Tài thực hiện hành vi trộm 03 lần, giá trị tài sản trộm 741.912.000đ; bị cáo Toàn thực hiện hành vi trộm 01 lần, giá trị tài sản trộm 10.694.000đ; bị cáo Tân thực hiện hành vi trộm 01 lần, giá trị tài sản trộm 15.440.000đ; Ngoài ra, bị cáo Sơn biết rõ số tiền 5.000.000đ do bị cáo Anh trộm cắp nhưng bị cáo Anh cho thì bị cáo Sơn nhận. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo, lời khai các bị hại, người có quyền lợi liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá trong tố tụng hình sự; có đủ căn cứ xác định các bị cáo Anh, bị cáo Tài, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tân, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; trong đó bị cáo Anh, bị cáo Tài phạm tội thuộc tình tiết định khung điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Tân có 02 tiền án về tội trộm cắp chưa xóa án tích, nên thuộc tình tiết định khung điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; các bị cáo Sơn, bị cáo Toàn theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo Sơn còn phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong đó bị cáo Anh, bị cáo Tài phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo Tân phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; các bị cáo Toàn phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Sơn phạm 02 tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng trật tự trị an của địa phương.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện đồng phạm, các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Tài phạm tội nhiều lần, nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Bên cạnh đó, đánh giá vai trò của bị cáo Anh là người chủ mưu, đồng thời cùng thực hành với các đồng phạm khác. Do vậy, cần quyết định hình phạt đối với bị cáo cao nhất.

Bị cáo Tài là đồng phạm tham gia tích cực tuy tham gia trộm cắp 03 lần nhưng giá trị tài sản đặc biệt lớn, nên cần áp dụng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt thấp hơn bị cáo Anh.

Đối với bị cáo Tân tham gia vai trò đồng phạm, bị cáo đã bị hai lần kết án về cùng tội trộm cắp nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, tuy bị cáo tham gia trộm 01 lần nhưng thuộc trường hợp tình tiết định khung, nên cần áp dụng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt thấp hơn bị cáo Tài.

Đối với bị cáo Sơn tham gia vai trò đồng phạm, tham gia 03 lần trộm cắp trị giá 39.490.000đ, trong khi đó bị cáo còn phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác (*bị cáo Anh*) phạm tội mà có; nên cần áp dụng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt của tội trộm cắp tài sản; quyết định hình phạt của tội tiêu thụ sau đó tổng hợp chung theo quy định.

Đối với bị cáo Toàn là đồng phạm tham gia 01 lần, cần áp dụng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt.

Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tài, bị cáo Tân đều thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Tài khai báo các lần trộm cắp, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Toàn phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Tài tác động gia đình bồi thường cho bị hại bà Anh số tiền 167.000.000đ, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Ngoài ra, bị hại bà Nhi, ông Thành đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn, bị cáo Tài, bị cáo Tân; bị hại bà Anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tài, nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo Tài được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo được áp dụng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, trong khi đó bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng, nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại bà Nhi, ông Thành đã nhận một số tài sản, còn các tài sản khác không thu hồi được nhưng cùng tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không buộc các bị cáo bồi thường.

- Bị hại bà Anh yêu cầu bị cáo Hoàng Anh bồi thường số tiền 369.974.000đ. Tuy nhiên bị cáo Hoàng Anh, bị cáo Tài cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Anh, theo quy định Điều 587 của Bộ luật dân sự, bị cáo Hoàng Anh, bị cáo Tài phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại bà Anh. Tại phiên tòa, bị hại bà Anh xác định “*nếu bị cáo Tài phải bồi thường thì chỉ yêu cầu bị cáo Anh bồi thường ½ của số tiền 369.974.000đ*” tương ứng 184.987.000đ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bị hại bà Anh, buộc bị cáo Hoàng Anh bồi thường cho bị hại bà Anh số tiền 184.987.000đ.

Đối với người liên quan ông Đinh Thành Châu tuy vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện ông Châu mua 02 tượng gỗ trị giá 2.000.000đ do các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn trộm của ông Thành, sau đó ông Châu giao nộp 02 tượng gỗ để trả cho bị hại ông Thành; nay yêu cầu hoàn trả số tiền này. Do vậy cần buộc các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Toàn có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Châu số tiền 2.000.000đ, theo phần mỗi bị cáo 666.666,66đ (*làm tròn số 666.667đ*).

Đối với người liên quan ông Hà Việt Dũng tuy vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện ông Dũng mua bộ golf trị giá 3.000.000đ do các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Tân trộm của ông Thành, sau đó ông Dũng giao nộp bộ golf để trả cho bị hại ông Thành; nay yêu cầu hoàn trả số tiền này. Do vậy cần buộc các bị cáo Anh, bị cáo Sơn, bị cáo Tân có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Dũng số tiền 3.000.000đ, theo phần mỗi bị cáo 1.000.000đ.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra, đã thu giữ một số vật chứng, sau đó Cơ quan điều tra xử lý một số tài sản trả cho bị hại. Hiện các vật chứng chưa xử lý gồm số tiền 1.100.000đ thu giữ của bị cáo Sơn; số tiền 1.000.000đ bà Phạm Thị Hằng (*mẹ bị cáo Anh*) đã nộp lại được xác định bị cáo Anh trộm của bị hại bà Anh, sau đó cho bị cáo Sơn, bị cáo Anh cho bà Hằng; Bị cáo Tân nộp lại số tiền 2.000.000đ; cần được tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 02 ổ khóa thu giữ tại nhà ông Hồ Tiến T không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự các bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng A, bị cáo Võ Hữu Nhật T, bị cáo Nguyễn Hữu T, bị cáo Trần T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tuyên bố bị cáo Võ Trung S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Hoàng A, bị cáo Võ Hữu Nhật T. Bị cáo Tài được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 13 (mười ba) năm; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-12-2017.

- Xử phạt bị cáo Võ Hữu Nhật T từ 10 (mười) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-12-2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05-02-2018 đến ngày 04-5-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần T.

Xử phạt bị cáo Trần T 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23-01-2018 đến ngày 19-04-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Trung S về tội “*Trộm cắp tài sản*”; khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Sơn về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo Võ Trung S 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; 09 (chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp chung buộc bị cáo Võ Trung S chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 33 (ba mươi ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-11-2017 đến ngày 19-4-2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Hoàng A bồi thường cho bị hại bà Trần Thị A số tiền 184.987.000đ;

- Buộc các bị cáo Trần Hoàng A, bị cáo Võ Trung S, bị cáo Trần T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Đinh Thành Châu số tiền 2.000.000đ, theo phần mỗi bị cáo 666.667đ;

- Buộc các bị cáo Trần Hoàng A, bị cáo Võ Trung S, bị cáo Nguyễn Hữu T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Hà Việt Dũng số tiền 3.000.000đ, theo phần mỗi bị cáo 1.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên; còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 02 ổ khóa

- Tạm giữ số tiền 1.100.000đ thu giữ của bị cáo Võ Trung S; tạm giữ số tiền 1.000.000đ bà Phạm Thị Hằng (*mẹ bị cáo Anh*) đã nộp; tạm giữ số tiền 2.000.000đ bị cáo Nguyễn Hữu T nộp để bảo đảm thi hành án (theo biên lai thu tiền số AA/2012/0000300 ngày 31-8-2018 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo Trần Hoàng A, Võ Hữu Nhật T, Nguyễn Hữu T, Trần T; Võ Trung S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Hoàng A phải chịu 9.332.000đ ($186.653.000đ \times 5\%$) án phí dân sự; bị cáo Võ Trung S phải chịu 300.000đ án phí dân sự; bị cáo Trần T phải chịu 300.000đ án phí dân sự; bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm; riêng người liên quan vắng mặt (các ông Vũ Lê Minh Tuấn, Võ Thanh Sang, Hà Việt Dũng, Đặng Hữu Quang), thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Vụ GDKT1-TANDTC (1);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cơ quan THAHS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Bị hại (*để thi hành*);
- Người liên quan (*để thi hành*);
- Các Luật sư;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Hồ sơ THAHS (5);
- Lưu hồ sơ vụ án (1); Án văn (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng

